

Số: 129/2015/NQ-HĐND

Tiền Giang, ngày 11 tháng 12 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức hỗ trợ phát triển cánh đồng lớn, gắn sản xuất
với tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA VIII - KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

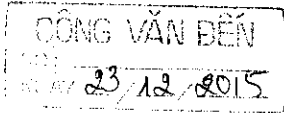
Căn cứ Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Căn cứ Thông tư số 66/2006/TT- BTC ngày 17 tháng 7 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ các sáng lập viên hợp tác xã chuẩn bị thành lập, các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của hợp tác xã và Thông tư số 173/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 66/2006/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ các sáng lập viên hợp tác xã chuẩn bị thành lập, các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của hợp tác xã;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Công văn số 2103/BTC-NSNN ngày 10 tháng 02 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg của



Thủ tướng Chính phủ.

Qua xem xét dự thảo Nghị quyết kèm theo Tờ trình số 216/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ khuyến khích phát triển cánh đồng lớn, gắn sản xuất với tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Báo cáo thẩm tra số 59/BC-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức hỗ trợ khuyến khích phát triển cánh đồng lớn, gắn sản xuất với tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh Tiền Giang như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức hỗ trợ khuyến khích phát triển cánh đồng lớn, gắn sản xuất với tiêu thụ nông sản thuộc các phương án cánh đồng lớn được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp có hợp đồng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (gọi chung là tổ chức đại diện của nông dân) hoặc hộ gia đình, cá nhân, trang trại (gọi chung là nông dân).

b) Tổ chức đại diện của nông dân có hợp đồng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn với doanh nghiệp hoặc nông dân.

c) Nông dân tham gia hợp đồng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn với doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân.

3. Nguyên tắc áp dụng hỗ trợ

Trong trường hợp cùng thời gian, một số nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng mức chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

Điều 2. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ đối với doanh nghiệp

Hỗ trợ 50% kinh phí tổ chức đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất nông sản theo hợp đồng (điểm d, khoản 1, điều 4, Quyết định 62/2013/QĐ-TTg). Lớp tập huấn được tổ chức tại xã, 1 ngày/lớp/vụ với số lượng từ 30-50 học viên/lớp. Mức hỗ trợ cụ thể:

a) Hỗ trợ văn phòng phẩm, in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học tối đa không quá 15.000 đồng/người/bộ tài liệu.

b) Chi nước uống cho học viên: tối đa 15.000 đồng/người/ngày.

c) Thuê hội trường: tối đa 150.000 đồng/ngày/lớp đối với lớp tập huấn tổ chức tại xã.

d) Thù lao cho giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật: đối với người dạy nghề (cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các trung tâm khuyến nông, lâm, ngư, nông dân sản xuất giỏi tham gia dạy nghề lao động nông thôn) được trả tiền công giảng dạy với mức 12.500 đồng/giờ; người dạy nghề là các tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực nông nghiệp, nghệ nhân cấp tỉnh trở lên được trả tiền công giảng dạy với mức 150.000 đồng/buổi.

đ) Hỗ trợ tiền ăn cho học viên: 12.500 đồng/ngày thực học/người đối với các lớp tập huấn, đào tạo tổ chức tại cấp xã.

2. Hỗ trợ đối với tổ chức đại diện của nông dân

a) Hỗ trợ 30% năm đầu và 20% năm thứ 2 chi phí về thuốc bảo vệ thực vật, công lao động, thuê máy để thực hiện dịch vụ bảo vệ thực vật chung cho các thành viên với định mức của ngành nông nghiệp (điểm c, khoản 1, điều 5, Quyết định 62/2013/QĐ-TTg). Mức hỗ trợ cụ thể cho năm đầu và năm thứ 2 như sau:

- Đối với cây lúa: tối đa 1.200.000 đồng/ha trong năm đầu và 800.000 đồng/ha trong năm thứ 2.

- Đối với rau, củ, quả: tối đa 2.000.000 đồng/ha trong năm đầu và 1.300.000 đồng/ha trong năm thứ 2.

- Đối với các loại cây ăn trái: tối đa 2.000.000 đồng/ha trong năm đầu và 1.300.000 đồng/ha trong năm thứ 2.

b) Hỗ trợ 50% chi phí tập huấn một lần cho cán bộ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về quản lý, hợp đồng kinh tế, kỹ thuật sản xuất (điểm d, khoản 1, điều 5, Quyết định 62/2013/QĐ-TTg). Mức hỗ trợ cụ thể:

- Hỗ trợ tiền ăn cho học viên: 35.000 đồng/ngày thực học/người đối với các lớp tập huấn, đào tạo tổ chức tại xã.

- Hỗ trợ tiền nước uống cho học viên: tối đa 5.000 đồng/người/ngày.

- Hỗ trợ tiền tài liệu: tối đa 15.000 đồng/người/bộ tài liệu.

c) Hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất nông sản theo hợp đồng (điểm đ, khoản 1, điều 5, Quyết định 62/2013/QĐ-TTg). Lớp tập huấn được tổ chức tại xã, 1 ngày/lớp/vụ với số lượng từ 30-50 học viên/lớp. Mức hỗ trợ cụ thể:

- Hỗ trợ văn phòng phẩm, in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học tối đa 30.000 đồng/người/bộ tài liệu.

- Chi nước uống cho học viên: tối đa 30.000 đồng/người/ngày.

- Thuê hội trường: tối đa 300.000 đồng/ngày/lớp đối với lớp tập huấn tổ chức tại xã.

- Thù lao cho giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật: đối với người dạy nghề (cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các trung tâm khuyến nông, lâm, ngư, nông dân sản xuất giỏi tham gia dạy nghề lao động nông thôn) được trả tiền công giảng dạy với mức 25.000 đồng/giờ; người dạy nghề là các tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực nông nghiệp, nghệ nhân cấp tỉnh trở lên được trả tiền công giảng dạy với mức 300.000 đồng/buổi.

- Hỗ trợ tiền ăn cho học viên: 25.000 đồng/ngày thực học/người đối với các lớp tập huấn, đào tạo.

3. Hỗ trợ đối với nông dân

a) Được tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật về sản xuất và thông tin thị trường miễn phí liên quan đến loại sản phẩm tham gia cánh đồng lớn (điểm a, khoản 1, điều 6, Quyết định 62/2013/QĐ-TTg).

b) Hỗ trợ một lần 30% chi phí mua giống cây trồng có phẩm cấp chất lượng: rau màu (giống F1), cây ăn quả (cây giống có nguồn gốc rõ ràng), lúa (giống cấp xác nhận) để gieo trồng vụ đầu tiên trong phương án cánh đồng lớn (điểm b, khoản 1, điều 6, Quyết định 62/2013/QĐ-TTg).

Đơn giá hỗ trợ các loại giống cây trồng được tính theo giá ghi trên hóa đơn mua giống tại thời điểm mua; trường hợp các doanh nghiệp cung ứng không đủ số lượng, chủng loại giống cây trồng, nông dân phải mua từ các hộ nông dân được phép sản xuất, kinh doanh giống cây trồng chất lượng cao (không có hóa đơn) thì căn cứ đơn giá giống cây trồng cùng loại ghi trên hóa đơn cung ứng của các doanh nghiệp khác cùng thời điểm để tính đơn giá hỗ trợ.

c) Hỗ trợ kinh phí lưu kho tại doanh nghiệp (điểm c, khoản 1, điều 6, Quyết định 62/2013/QĐ-TTg).

Nông dân được ngân sách hỗ trợ 100% kinh phí lưu kho tại doanh nghiệp trong trường hợp Chính phủ thực hiện chủ trương tạm trữ nông sản, thời hạn hỗ trợ tối đa là 3 tháng.

4. Điều kiện hưởng hỗ trợ, ưu đãi

a) Đối với doanh nghiệp: phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Đối với tổ chức đại diện của nông dân: phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Đối với nông dân: phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 6 Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Nguồn kinh phí hỗ trợ

1. Ngân sách Trung ương hỗ trợ cho tỉnh thông qua các chương trình, dự án trực tiếp và lồng ghép các chương trình, dự án có liên quan; Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu để thực hiện chính sách và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa đối với cây lúa.

2. Sự nghiệp nông nghiệp.

3. Các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

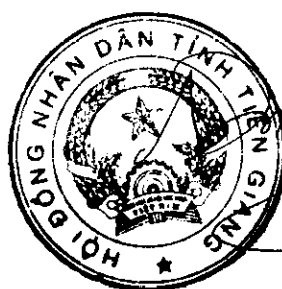
Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang khóa VIII, kỳ họp thứ 14 thông qua và có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UB. Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu của (UBTVQH);
- Bộ Tư pháp; Bộ Tài chính;
- Bộ KH&ĐT; Bộ NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Vụ IV (VPCP);
- Cơ quan TT Bộ Nội vụ;
- Các đ/c UVBTV Tỉnh ủy;
- UBND, UB.MTTQ tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Ấp Bắc;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT. 485

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Danh